TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 17/7/2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhã Phương.

- *Các hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- *Đại diên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa*: Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1997. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là: Thôn C, xã C, huyện E tỉnh Đắk Lắk)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Trần Anh Đ**, sinh năm 1996. *Vắng mặt.*

Nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây là: Thôn Ca, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Trần Anh Đ sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/7/2017. Trong quá trình chung sống do cả hai bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, xúc phạm lẫn nhau. Cả hai đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Trần Anh Đ.

Về con chung: Bà L và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 10/01/2018. Sau ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia H cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Trần Anh Đ trình bày*: Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống với nhau bà L trình bày là đúng. Ông Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn đúng như bà L trình bày, nhưng ông Đ có nguyện vọng được bà L tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, nên không đồng ý ly hôn.

Ông Đ và bà L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 10/01/2018, ông Đ đồng ý theo nguyện vọng của con và giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia H cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Trần Anh Đ.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 10/01/2018 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk) giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Nguyễn Trần Anh Đ, đơn khởi kiện của bà L được Tòa án nhân dân huyện EaKar (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk) xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk).

[2] Về nội dung vụ án:

[**2.1**] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trần Anh Đ tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/7/2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vả, xúc phạm lẫn nhau.Ông Đ cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn đúng như bà L trình bày. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Trần Anh Đ

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định bà L và ông Đ là vợ chồng cùng sinh sống tại thôn Cư Nghĩa, xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Cư Nghĩa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk), chính quyền địa phương có nghe thông tin vợ chồng bà L và ông Đ có mâu thuẫn do ông Đ bài bạc, mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện nay bà L và ông Đ đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Trần Anh Đ.

[**2.2**]*Về con chung:* Bà L và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 10/01/2018. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Hoàng Gia H trình bày có nguyện vọng được bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Và ông Đ cũng đồng ý theo nguyện vọng của con chung.

Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 10/01/2018 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[**2.3**]*Về tài sản chung và công nợ:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, Điều 217, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Trần Anh Đ.

[2]. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 10/01/2018 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Đ được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Đ không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001159, ngày 16 tháng 4 năm 2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7).

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7- Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương